TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/DS-PT
Ngày: 22/5/2018
V/v:*"Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ và tháo dỡ công trình, kiến trúc trên đất"*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Bá Sơn

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Nguyễn Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Trần Thanh Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2017/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ và tháo dỡ công trình, kiến trúc trên đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25C/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Trần Thị C**; Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc Ất; Địa chỉ: Số 301 đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; theo giấy ủy quyền ngày 02/11/2016. Có mặt.

2. Bị đơn: **Ông Trần Tấn L**; Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần E - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; theo giấy ủy quyền ngày 31/3/2017. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện H, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3.4. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị K: Ông Huỳnh Ngọc A; theo giấy ủy quyền ngày 02/11/2016. Có mặt.

3.5. Bà Phan Thị B, sinh năm 1958 (mất ngày 27/9/2017).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phan Thị B gồm các ông, bà Lê Thị T, Trần Tấn L, Trần Tấn Đ, Trần Thị Kim O, Trần Tấn Tr(những người thừa kế của bà Phan Thị B) đều ủy quyền cho ông Trần Tấn L tham gia tố tụng tại Tòa án. Ông L có mặt.

3.6. Bà Trần Thị Tr1, sinh năm 1939; Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3.7. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1942; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận. Vắng mặt.

3.8. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1945; Địa chỉ: Xóm Xuân Thành, thôn T3, xã T1, huyện H, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

4. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần L4:

4.1. Bà Đặng Thị V, sinh năm 1936; Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

4.2. Bà Trần Thị C1, sinh năm 1961, cư trú tại thôn V, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

4.3. Ông Trần Ngọc L2, sinh năm 1957, cư trú tại số 30/16 đường N, phường X, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt.

4.4. Ông Trần Ngọc Th, sinh năm 1964, cư trú tại số 6/2 đường X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

4.5. Bà Trần Thị C2, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 17B đường P, phường X, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

5. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị M:

5.1. Ông Đặng Văn Đ1, sinh năm 1936; Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Đ,

tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

5.2. Bà Đặng Thị Đ1, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

5.3. Bà Đặng Thị D, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 1116 đường H, xã Ph, phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

5.4. Bà Đặng Thị Đ2, sinh năm 1970, Địa chỉ: Số 1116 đường H, xã Ph, phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

5.5. Bà Đặng Thị L3, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

5.6. Bà Đặng Thị Đ3, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

5.7. Ông Đặng Văn S, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

5.8. Ông Trần Q, sinh năm 1933; Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 13/9/2016, trong các đơn khởi kiện bổ sung, các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị C và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Huỳnh Ngọc A trình bày:*

Nguyên ông bà nội bà C có 03 người con là: Trần T3, Trần T4, Trần M2 (đều đã chết). Ông bà nội bà C lưu hạ một mảnh vườn hiện nay là thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46 tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi có diện tích là 1.449m^2, có giới cận: Phía Đông giáp đường đi liên thôn, phía Tây giáp đất ông Huỳnh Hy, phía Nam giáp đất ông Phan Văn H3 (theo như trích lục là ông Phan M5), phía Bắc giáp đường đi liên thôn. Trước khi chết, ông bà nội bà C có phân chia đất cho các con nhưng chỉ nói bằng miệng, không có giấy tờ, cụ thể:

Phía Nam chia cho con trai lớn là cụ Trần T3 1/4 mảnh vườn tương đương với 360m^2. Cụ T3 có duy nhất một người con là bà Trần Thị N chết năm 2015, bà N có 03 người con gái là: Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị H.

Phần ở giữa chia cho con trai giữa là cụ Trần T4 1/2 mảnh vườn tương đương với 720m^2. Cụ Tải có 06 người con: Trần L4 (chết), Trần Tấn T4, Trần Thị T1, Trần Thị Tr1, Trần Thị H1, Trần Thị M (chết).

Phía Bắc chia cho cha bà C là cụ Trần M2 1/4 mảnh vườn tương đương với 360m^2. Cụ Mãi có 02 người con: Bà Trần Thị C và anh trai Trần M3 (liệt sĩ).

Sau khi được phân chia đất, cha bà C cùng hai cụ là Trần T3, Trần T4 làm nhà, quản lý phần đất của mình. Năm 1965 cha bà C qua đời, bà C và mẹ là bà Lê Thị C1 tiếp tục sinh sống trên ngôi nhà được dựng trên diện tích đất mà cha

bà được ông bà nội chia. Đến năm 1975 mẹ bà C qua đời, anh trai bà C là liệt sỹ Trần M3 hy sinh nên bà C tiếp tục quản lý diện tích đất do cha mẹ bà để lại. Đến năm 1980 bà C lập gia đình, hai vợ chồng vẫn tiếp tục ở trên thửa đất và quản lý diện tích đất này cho đến năm 1988 vì nhà xuống cấp nên hai vợ chồng bà C chuyển đến sống với gia đình chồng cùng thôn.

Lợi dụng việc bà C sống phía bên chồng, không thường xuyên qua lại trông nom, quản lý đất nên ông Trần Tấn L và vợ ông L là bà Phan Thị B đã tự ý kê khai và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất của bà. Vào tháng 8/2016 ông L tự ý xây dựng trên phần diện tích đất của bà một quán bida có diện tích khoảng 50m^2. Bà C yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông L, bà B và buộc ông L phải trả lại cho bà 360m^2 đất, đồng thời ông L phải tháo dỡ quán bida đã xây dựng trên phần diện tích đất của bà C.

Sau khi Tòa án tiến hành đo đạc, xem xét và thẩm định tại chỗ thì bà C thay đổi nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu ông L phải trả lại cho bà diện tích đất 218,2m^2, các nội dung khởi kiện khác vẫn giữ nguyên.

** Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 14/11/2016; bản ý kiến và các biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị K và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của các bà L1, K, H là ông Huỳnh Ngọc A trình bày:*

Nguyên trước đây ông bà cố ngoại của các bà L1, K, H có lưu hạ một mảnh vườn hiện nay là thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46 tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi có diện tích là 1.449m^2, có giới cận: Phía Đông giáp đường đi liên thôn, phía Tây giáp đất ông Huỳnh H2, phía Nam giáp đất ông Phan Văn H3, phía Bắc giáp đường đi liên thôn. Ông bà cố ngoại của các bà L1, K, H sinh được 03 người con là: Trần T3, Trần T4, Trần M2 (đều đã chết). Trước khi qua đời ông bà cố ngoại của các bà L1, K, H có phân chia đất cho các con như sau:

Phía Nam chia cho con trai lớn là cụ Trần T3 (ông ngoại của các bà L1, K, H) 1/4 mảnh vườn tương đương với 360m^2; Cụ T3 có duy nhất một người con là bà Trần Thị N chết năm 2015, bà Nhưng có 03 người Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị H.

Phần ở giữa chia cho con trai giữa cụ Trần T4 1/2 mảnh vườn tương đương với 720m^2; Cụ Tải có 06 người con: Trần L4 (chết), Trần Tấn L, Trần Thị T1, Trần Thị Tr1, Trần Thị H1, Trần Thị M (chết).

Phía Bắc chia cho cha bà C là cụ Trần M2 1/4 mảnh vườn tương đương với 360m^2; Cụ Mãi có 02 người con: Bà Trần Thị C và anh trai Trần M3 (liệt sĩ).

Sau khi được phân chia đất, ông ngoại của các bà là cụ Trần T3 cùng hai người anh trai của ông ngoại là các cụ Trần T4, Trần M2 làm nhà, quản lý phần đất của mình. Sau khi bà ngoại các bà L1, K, H qua đời thì cụ Trần T3 tái hôn

với bà ngoại bé là cụ Trần Thị S1, lúc này cụ S1 đã có con riêng là ông Trần Q, sau khi kết hôn với Cụ T3 thì hai mẹ con cụ S1 về sinh sống cùng ông ngoại và mẹ của các bà L1, K, H (tức bà N) tại căn nhà trên phần đất được chia. Khi Cụ T3 chết thì cụ S1, ông Trần Q và mẹ các bà tiếp tục sinh sống và quản lý diện tích đất do Cụ T3 để lại. Bà Nhưng cưới chồng năm 1969, sau khi cưới chồng thì bà N chuyển về phía gia đình chồng sinh sống. Lúc này chỉ còn cụ S1 và ông Trần Q sinh sống trên đất Cụ T3 để lại. Khoảng năm 1984 thì cụ S1 và ông Trần Q mua đất nơi khác làm nhà và đập bỏ căn nhà tranh vách đất, trên đất không còn tài sản gì. Đến năm 1994 thì cụ S1 qua đời, sau đó ông Trần L4 là anh ông Trần Tấn L đến dựng nhà trên đất ông ngoại các bà để lại, đến năm 1997 thì ông L4 dọn nhà chuyển đi nơi khác sống.

Năm 2006 ông Trần Tấn L và vợ ông L là bà Phan Thị B đã tự ý kê khai và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm cả phần diện tích đất mà ông ngoại của các bà L1, K, H được chia. Khi còn sống thì mẹ của các bà L1, K, H là bà Trần Thị N đã nhiều lần yêu cầu ông L trả lại phần đất mà cụ Trần T3 được chia nhưng ông L không đồng ý trả.

Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, các bà L1, K, H yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông L, bà B và buộc ông L phải trả lại cho các bà là người kế thừa của bà Trần Thị N diện tích đất 360m^2 để làm nhà thờ.

Sau khi Tòa án tiến hành đo đạc, xem xét và thẩm định tại chỗ thì các bà L1, K, H thay đổi nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu ông L phải trả lại cho bà diện tích đất 170m^2, giữ nguyên yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông L, bà B đối với thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46 tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

** Tại văn bản ý kiến ngày 21/11/2016, bản tự khai ngày 05/12/2016, bản ý kiến ngày 31/10/2016 của bị đơn ông Trần Tấn L và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp cửa bị đơn, anh Huỳnh Quang Lâm trình bày:*

Nguyên thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46 tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi là do ông bà nội ông L là cố Trần Tân khai phá, tạo lập. Sau khi ông bà nội ông L qua đời thì thửa đất trên được giao lại cho cha ông L là cụ Trần T4 quản lý, sử dụng. Cha ông L quản lý, sử dụng thửa đất trên để trồng rau màu, dừa liên tục từ trước năm 1975 đến khi cha ông L chết năm 2001.

Ngày 29/6/1997 trước sự chứng kiến của anh em, bà con trong dòng tộc thì cha ông L đã lập di C giao lại thửa đất 232 cho ông L toàn quyền quản lý, sử dụng. Vì lúc đó điều kiện đi lại khó khăn, suy nghĩ đơn giản nên ông L không mang tờ *"Lời di C"* lập ngày 29/6/1997 ra cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận.

Ông L quản lý và sử dụng thửa đất trên liên tục từ năm 1997 đến năm

2002 thì được ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi cho hộ gia đình ông, đến năm 2006 thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 232 được cấp đổi sang tên ông và vợ là bà Phan Thị B.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà C và yêu cầu khởi kiện độc lập của các bà L1, K, H là không có căn cứ vì ông nội ông đã chia đất ở đám vườn Đồng Cát cho cụ Trần T3 và cụ Trần M2, nên ông yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người này.

** Tại Công văn số 2958/UBND-TNMT ngày 27/12/2016 và Công văn số 945/UBND ngày 27/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Đ, ông Nguyễn Văn Diệu trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46 tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Tấn L và bà Phan Thị B là do cha mẹ để lại. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Tấn L, bà Phan Thị B là hoàn toàn đúng theo Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng Cục Địa chính. Năm 2002 Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dưới dạng đại trà, do cơ quan tham mưu việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã có sai sót trong quá trình kiểm tra hồ sơ, in Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dẫn đến cấp cho hộ ông Trần Tấn L. Nhận thấy việc sai sót trên, nên năm 2006 khi thực hiện cấp, đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp lại đúng đối tượng sử dụng đất là ông Trần Tấn L và bà Phan Thị B.

** Tại đơn khởi kiện ngày 25/3/2017 và đơn trình bày ngày 14/3/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Q trình bày:*

Ông là con của cụ Trần Thị S1, ông về sinh sống với cụ Trần T3 khi ông mới 03 tuổi, đến năm 1969 cụ Trần T3 bị giặt Mỹ bắn chết, cùng năm 1969 bà Trần Thị N là mẹ các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị K lấy chồng đi ở nơi khác. Đến năm 1974, nhà cửa của cụ Trần T3 bị đánh bom cháy hết nên mẹ con ông đi ở nơi khác. Ông yêu cầu Tòa án cho ông được nhận thừa kế phần tài sản của cha ông là cụ Trần T3 đối với 360m^2 đất trong tổng diện tích 1.449m^2 của thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Tấn L và bà Phan Thị B. Sau khi nhận đơn, Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu ông Q sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện nhưng quá thời hạn quy định ông Q không sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Tòa án, nên Tòa án đã ra thông báo trả lại đơn khởi kiện cho ông Q.

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị*

đơn: Thống nhất với nội dung trình bày của bị đơn ông Trần Tấn L.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham khác như Đặng Thị Điện Đặng Thị Diện, Đặng Văn Sao: Không có ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2017, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã Quyết định:

Căn cứ các Điều 247, Điều 255 và Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 161, Điều 165, Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C, buộc vợ chồng ông Trần Tấn L và bà Phan Thị B phải trả cho bà Trần Thị C diện tích 218,2m^2 đất (trong đó có 60,4m^2 đất ở và 157,8m^2 đất trồng cây hàng năm khác) là một phần thuộc thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi đã được ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Tấn L, bà Phan Thị B ngày 08/11/2006, có diện tích 1.449m^2 (diện tích đo đạc thực tế là 1.446m^2). Phần đất trả cho bà C được ký hiệu ABCD có giới cận như sau:

- Phía Đông Bắc là đoạn AD có chiều dài lOm giáp đường bê tông liên thôn (điểm A cách góc Đông Bắc của thửa đất 232, tờ bản đồ số 46, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi có chiều dài là 12,73m);

- Phía Tây Bắc là đoạn AB có chiều dài 21,82m giáp phần đất còn lại của thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

- Phía Đông Nam là đoạn CD có chiều dài 21,82m giáp phần đất còn lại của thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

- Phía Tây Nam là đoạn BC có chiều dài 10m giáp phần đất còn lại của thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

(Có sơ đồ giao đất kèm theo, sơ đồ này là một phần không tách rời bản án).

Giao cho bà Trần Thị C được quyền sở hữu hàng rào xây trụ bê tông kéo lưới B40 do ông Trần Tấn L, bà Phan Thị B xây dựng năm 2002 có diện tích 12m^2 và 05 cây dừa do ông Trần Tấn L, bà Phan Thị B trồng trên phần diện tích 218,2m^2; buộc bà Trần Thị C phải hoàn trả 5.600.000 đồng (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng) là giá trị 12m^2 hàng rào và 04 cây dừa (03 cây dừa lớn, 01 cây dừa nhỏ) cho ông Trần Tấn L, bà Phan Thị B.

Giao cho ông Trần Tấn L được sở hữu 01 cây dừa của bà Trần Thị C nằm trên phần đất còn lại của thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C và của các bà Nguyễn

Thị K, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị H. Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI344993, số vào sổ H.00166 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Trần Tấn L, bà Phan Thị B ngày 08/11/2006 đối với thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46 tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Trần Thị C có trách nhiệm làm đầy đủ thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Không chấp nhận nội dung khởi kiện của bà Trần Thị C yêu cầu vợ chồng ông Trần Tấn L, bà Phan Thị B phải tháo dỡ công trình kiến trúc trên đất.

4. Không chấp nhận nội dung khởi kiện của các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị K yêu cầu vợ chồng ông Trần Tấn L, bà Phan Thị B phải trả lại diện tích 170m^2 đất là một phần thuộc thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Tấn L, bà Phan Thị B ngày 08/11/2006.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04 -05 tháng 9 năm 2017, các ông (bà) Trần Tấn L, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị K đều có đơn kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của các bên; kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bản án số 17/2017/DS-ST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C, buộc vợ chồng ông Trần Tấn L phải trả lại cho bà C diện tích 218,2m^2 đất thửa đất số 232, tờ bản đồ 46 tọa lạc tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất trên do UBND huyện Đ đã cấp cho vợ chồng ông L. Không chấp nhận yêu cầu của các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị K trả lại diện tích 170m^2 đất tại thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46.

Ông Trần Tấn L kháng cáo cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông trả lại diện tích đất 218,2m^2 của thửa đất số 232 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện Đ đã cấp cho gia đình ông bà không đúng pháp luật.

Xét thấy: Diện tích đất 1.449m^2 thuộc thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46 tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi có nguồn gốc do cố Trần Tân tạo lập.

Cố Trần Tân có 3 người con gồm các cụ: Trần T3, Trần T4 và Trần M2. Cụ Trần T3 có con là bà Trần Thị N. Bà N có các con, gồm các bà: Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị K. Cụ Trần T4 có 06 người con, gồm: Trần L4, Trần Thị M (đều chết), Trần Tấn L, Trần Thị Tr1, Trần Thị T1, Trần Thị H1.

Cụ Trần M2 có 02 người con, gồm: bà Trần Thị C, ông Trần M3 (hy sinh năm 1967, chưa có vợ con). Cụ Trần T3 có 01 người con riêng là ông Trần Q. Khi còn sống cụ Trần Tân đều chia cho các con đất làm nhà sinh sống trên cùng thửa đất tạo lập nói trên. Cụ thể: Ông Trần T3 ở góc Đông Nam; ông Trần M2 ở góc Đông Bắc; ông Trần T4 ở giữa.

Về yêu cầu khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất của bà Trần Thị C. Xét thấy rằng: Từ năm 1988 vợ chồng bà C làm nhà sinh sống trên phần đất cố Trần Tân chia cho cha bà (ông Trần M2). Năm 1988 nhà xuống cấp nên vợ chồng bà chuyển về sống bên nhà chồng. Vì vậy, bà yêu cầu ông Trần Tấn L người đang quản lý, sử dụng trả lại diện tích đất trước đây bà đang sử dụng... Mặt khác toàn bộ diện tích đất do cố Trần Tân tạo lập, vợ chồng ông Trần Tấn L đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/11/2006 là không đúng nên yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định và tuyên xử: Vợ chồng ông Trần Tấn L phải trả lại diện tích 218,2m^2 đất thuộc thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46 tọa lạc tại xã P, huyện Đ,tỉnh Quảng Ngãi cho bà Trần Thị C. Đồng thời tuyên hủy Giấy CNQSDĐ số AI344993, số vào sổ H 00166 do UBND huyện Đ cấp cho vợ chồng ông Trần Tấn L ngày 08/11/2006 là có căn cứ; đúng pháp luật.

Ông Trần Tấn L cho rằng: Toàn bộ diện tích đất của thửa đất số 232 ông bà nội cho cha ông. Trước khi qua đời cha ông đã cho ông theo văn bản "Lời di C" lập ngày 29/6/1997 là không có cơ sở để chấp nhận.

Về yêu cầu độc lập của những ngườ có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các bà Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị H, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của các bà về việc yêu cầu vợ chồng ông Trần Tấn L trả lại diện tích 170m đất của thửa đất 232 là phù hợp quy định tại các Điều 247, 256 Bộ luật dân sự năm 2005.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Nội dung kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có cơ sở để chấp nhận. Người kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của các ông, bà: Trần Tấn L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị K; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 247, Điều 255 và Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C, buộc vợ chồng ông Trần Tấn L và các ông, bà Lê Thị T, Trần Tấn L, Trần Tấn Đ, Trần Thị Kim O,

Trần Tấn Tr(những người thừa kế của bà Phan Thị B) phải trả cho bà Trần Thị C diện tích 218,2m^2 đất (trong đó có 60,4m^2 đất ở và 157,8m^2 đất trồng cây hàng năm khác) là một phần thuộc thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi đã được ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Tấn L, bà Phan Thị B ngày 08/11/2006, có diện tích 1.449m^2 (diện tích đo đạc thực tế là 1.446m^2). Phần đất trả cho bà C được ký hiệu ABCD có giới cận như sau:

- Phía Đông Bắc là đoạn AD có chiều dài l0m giáp đường bê tông liên thôn (điểm A cách góc Đông Bắc của thửa đất 232, tờ bản đồ số 46, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi có chiều dài là 12,73m);

- Phía Tây Bắc là đoạn AB có chiều dài 21,82m giáp phần đất còn lại của thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

- Phía Đông Nam là đoạn CD có chiều dài 21,82m giáp phần đất còn lại của thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

- Phía Tây Nam là đoạn BC có chiều dài 10m giáp phần đất còn lại của thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

(Có sơ đồ giao đất kèm theo bản án sơ thẩm).

Giao cho bà Trần Thị C được quyền sở hữu hàng rào xây trụ bê tông kéo lưới B40 do ông Trần Tấn L, bà Phan Thị B xây dựng năm 2002 có diện tích 12m^2 và 05 cây dừa do ông Trần Tấn L, bà Phan Thị B trồng trên phần diện tích 218,2m^2; buộc bà Trần Thị C phải hoàn trả 5.600.000 đồng (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng) là giá trị 12m^2 hàng rào và 04 cây dừa (03 cây dừa lớn, 01 cây dừa nhỏ) cho ông Trần Tấn L.

Giao cho ông Trần Tấn L được sở hữu 01 cây dừa của bà Trần Thị C nằm trên phần đất còn lại của thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C và của các bà Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị H. Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI344993, số vào sổ H.00166 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Trần Tấn L, bà Phan Thị B ngày 08/11/2006 đối với thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46 tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Trần Thị C có trách nhiệm làm đầy đủ thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Không chấp nhận nội dung khởi kiện của các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị K yêu cầu vợ chồng ông Trần Tấn L, bà Phan Thị B phải trả lại diện tích 170m^2 đất là một phần thuộc thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Tấn L, bà Phan Thị B ngày 08/11/2006.

4. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm giữ nguyên.

5.Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Tấn L phải nộp 300.000đồng, được tính trừ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA /2016/0001368 ngày 11/9/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi; Các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị K phải nộp 300.000đồng, được tính trừ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001369 ngày 11/9/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc Kiểm tra II -TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Bá Sơn